TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN SƠN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **390/**2023 /HNGĐ-ST.
Ngày 29/12/2023
"V/v không công nhận vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Hào và ông Nguyễn Duy Chung.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Yến – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở UBND xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự ly hôn thụ lý số: 328/2023/TLST- HNGĐ, ngày 14/11/2023, về việc *"Không công nhận vợ chồng; tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-HS ngày 14/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn Q qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào năm 2002 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống

cùng nhau tại thôn A, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, giữa hai vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, tuy đã được gia đình và chính quyền địa phương giải thích, hòa giải nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Do hai vợ chồng không đăng ký kết hôn nên chị T đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Triệu Thị T xác định, chị và anh Hoàng Văn Q có 02 con chung là cháu: Triệu Huy T1, sinh ngày 19/12/2003 và cháu Triệu An Tuyết Đ, sinh ngày 05/02/2018. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu An Tuyết Đ, đề nghị anh Q cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; còn đối với cháu Triệu H Tập hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Hoàng Văn Q có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Hoàng Văn Q không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Hoàng Văn Q trình bày:

Anh và chị Triệu Thị T qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn với nhau vào năm 2002 có tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn A, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi, chửi nhau, giữa hai vợ chồng không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, tuy đã được gia đình và chính quyền địa phương giải thích, hòa giải nhưng mâu thuẫn không được giải quyết, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, giữa hai vợ chồng không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị T đã trầm trọng kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Do hai vợ chồng không đăng ký kết hôn nên anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Q xác định, anh và chị Triệu Thị T có 02 con chung là cháu: Triệu Huy T1, sinh ngày 19/12/2003 và cháu Triệu An Tuyết Đ, sinh ngày 05/02/2018. Anh đề nghị giao cháu Triệu An Tuyết Đ cho chị T trực tiếp nuôi

dưỡng, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; còn đối với cháu Triệu H Tập hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Triệu Thị T có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị Triệu Thị T không có nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của BLTTDS; tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ: Điều 9, 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Triệu An Tuyết Đ, sinh ngày 05/02/2018 cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Hoàng Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Triệu An Tuyết Đ là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; đối với cháu Triệu Huy T1 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị T và anh Q cùng xác định có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận, tự chia, không đề nghị Toà án giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị T và anh Q cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Triệu Thị T phải chịu chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định; anh Hoàng Văn Q phải chịu án phí đối với nghĩa cấp dưỡng nuôi con.

+ Đề nghị tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tiến hành xác minh tại UBND xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình chung sống đã có con chung, chị T đề nghị Tòa án tuyên bố chị và anh Q không phải là vợ chồng nên xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hoàng Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Cả nguyên đơn và bị đơn là chị T và anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân:

Căn cứ lời khai của đương sự; kết quả xác minh tại UBND xã Q, huyện Y có cơ sở xác định: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn cãi, chửi nhau, hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả chị T và anh Q đều cùng xác định không thể chung sống với nhau được nữa.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; HĐXX xét thấy: Việc chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị T, tuyên bố không công nhận chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q là vợ chồng.

[2.2] *Về con chung:*

Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q cùng xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu: Triệu Huy T1, sinh ngày 19/12/2003 và cháu Triệu An Tuyết Đ, sinh ngày 05/02/2018. Quá trình giải quyết vụ án chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q cùng có ý kiến, đề nghị giao con chung là cháu Triệu An Tuyết

Đ cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Triệu Huy T1 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q cùng tự nguyện thoả thuận anh Hoàng Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Triệu An Tuyết Đ là 500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Triệu An Tuyết Đ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

HĐXX, xét thấy việc các đương sự có ý kiện tự thoả thuận về việc giao nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; chị Triệu Thị T đảm bảo các điều kiện để nuôi con nên cần ghi nhận ý kiến của các đương sự như đã nêu trên là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh Q cùng xác định có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận, tự chia, không đề nghị Toà án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Chị T và anh Q cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh Hoàng Văn Q phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Triệu Thị T và anh Hoàng Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu An Tuyết Đ, sinh ngày 05/02/2018 cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh Hoàng Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Triệu An Tuyết Đ là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*)/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; đối với cháu

Triệu Huy T1 hiện nay đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí:

- Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000000782827, ngày 14/11/2023 Công ty cổ phần T2 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000996 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; chị Triệu Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Hoàng Văn Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- UBND xã Quý Quân (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Hồng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Tiến Hào **Đặng Thị Huệ** **Vũ Mạnh Hồng**